TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ PRÔNG** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 94/2019/QĐST- HNGĐ	*Chư Prông, ngày 01 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 153/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T**,** sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn H, xã D, huyện CPr, tỉnh G.

Bị đơn: Anh Lương Quang H**,** sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn H, xã D, huyện CPr, tỉnh G.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Lương Quang H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nuôi con khi ly hôn: Chị T và anh H nhất trí thỏa thuận như sau:

Giao cả hai con chung tên là Lương Nhật H, sinh ngày 23/8/2013 và Lương Hoàng N, sinh ngày 30/01/2015 cho chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng kể từ ngày 23/9/2019 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh H tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung một tháng 1.000.000 đồng (Một triệu) trên một con x hai con = 2.000.000 đồng (Hai triệu).

Sau khi ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của các đương sự hoặc của các cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí:

*****Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* thuận tình ly hôn các đương sự phải nộp 50% mức án phí quy định là 300.000đ x 50% = 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Chị Lê Thị T phải chịu 75.000đ; anh Lương Quang H phải chịu 75.000đ.

*Án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 300.000 đồng; (*Hòa giải thành được giảm ½ án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 đồng*). Anh Lương Quang H phải chịu 150.000 đồng. (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Chị Lê Thị T tự nguyện nộp toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (Cả phần của anh H) và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 150.000 đồng, (Phần của anh H) nhưng được trừ vào số tiền đã tạm nộp án phí trước đây là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0000350 ngày 02/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CPr, tỉnh G. Số tiền tạm ứng án phí được chuyển thành án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Ngô Trung Thực

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
-UBND xã D;
- TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.